

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2020/HS-PT

Ngày: 12-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Lê Quân Vương.

Ông Trương Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 161/2020/TLPT-HS ngày 25 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo Lê Văn C và các bị cáo khác. Do có kháng cáo của bị cáo Lê Văn C và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 264/2020/HS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Họ và tên bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

Lê Văn C, sinh năm 1969 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: số X, đường N, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị B (đã chết); có vợ là bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1972 (đã ly hôn) và có 03 người con (lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2004); tiền sự: không; tiền án: ngày 16/11/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” (theo Bản án số 391/2015/HS-ST); nhân thân: ngày 28/9/2013, Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 tháng tù về tội “Đánh bạc” (theo Bản án số 372/2013/HS-ST) và ngày 03/3/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 tháng 26 ngày tù về tội “Đánh bạc” (theo Bản án số 50/2017/HS-ST); bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2019 đến ngày

13/12/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Họ và tên các bị cáo bị kháng nghị:

1. Nguyễn Thanh U, sinh năm 1975 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: số Y, đường N, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: phụ hồ; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn R (đã chết) và bà Bùi Thị H2 (đã chết); có vợ là bà Nguyễn Thị K2, sinh năm 1975 và có 02 người con (sinh năm 1996 và năm 2000); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/11/2019 đến ngày 25/11/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Nguyễn Văn M, sinh năm 1972 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: số X, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị N1 (đã chết); có vợ là bà Đỗ Thị N2, sinh năm 1975 và có 03 người con (lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2005); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/11/2019 đến ngày 22/11/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Nguyễn Văn H, sinh năm 1968 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: số X, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: thợ hồ; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D (đã chết) và bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1938; có vợ là bà Nguyễn Thị Thùy D2, sinh năm 1976 và có 03 người con (lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2008); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/11/2019 đến ngày 19/11/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

4. Phạm Văn H1, sinh năm 1969 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: số X, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị D2, sinh năm 1938; có vợ là bà Trần Thị Cẩm B2, sinh năm 1972 và có 02 người con (sinh năm 1994 và năm 2000); tiền án, tiền sự: không có; bị tạm giữ từ ngày 16/11/2019 đến ngày 22/11/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

5. Trần Văn U1, sinh năm 1957 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: số M, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N4 (đã chết); có vợ là bà Trần Thị H3, sinh năm 1957 và có 02 người con (sinh năm 1986 và năm 1995); tiền án, tiền sự: không có; bị tạm giữ từ ngày 16/11/2019 đến ngày

25/11/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

6. Võ Văn K, sinh năm 1978 tại tỉnh Cà Mau; thường trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; tạm trú: số X, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn C1 (đã chết) và bà Lê Thị H4 (đã chết); có vợ là bà Nguyễn Thị U1, sinh năm 1978 và có 04 người con (lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: không có; nhân thân: ngày 14/4/2016 bị Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau xử phạt 5.000.000 đồng về hành vi tổ chức đánh bạc (theo Quyết định số 195/QĐ-XPVPHC), ngày 20/6/2016, bị Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi mua số đề (theo Quyết định số 393/QĐ-XPVPHC) và ngày 27/5/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” (theo Bản án số 185/2020/HS-ST); bị tạm giữ từ ngày 16/11/2019 đến ngày 22/11/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác, có mặt.

7. Nguyễn Văn K1, sinh năm 1981 tại tỉnh Bạc Liêu; thường trú: ấp X, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; tạm trú: số X, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: phụ hồ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị H5 (đã chết); có vợ là bà Đỗ Hồng N5, sinh năm 1988 và có 02 người con (sinh năm 2007 và năm 2019); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 20/8/2014, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” (theo Bản án số 365/2014/HS-ST); bị tạm giữ từ ngày 16/11/2019 đến ngày 25/11/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

8. Đoàn Nhật L, sinh năm 1993 tại tỉnh Khánh Hòa; thường trú: thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; tạm trú: tổ X, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Minh L3, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1973; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 19/12/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương áp dụng biện pháp xử lý hành Ch đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 tháng; bị tạm giữ từ ngày 16/11/2019 đến ngày 25/11/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

9. Nguyễn Huy L1, sinh năm 1982 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: số X, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1952 và bà Võ Thị

H6, sinh năm 1954; có vợ là bà Trần Hồng G, sinh năm 1980 và có 02 người con (sinh năm 2012 và năm 2018); tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16/11/2019 đến ngày 25/11/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn 01 người làm chứng do không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 16/11/2019, các bị cáo Trần Văn U1, Phạm Văn H1, Võ Văn K, Nguyễn Văn K1, Nguyễn Huy L1, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn M đi bộ đến căn nhà bỏ hoang thuộc khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương thì gặp Mai Văn Q và một nhóm người (không rõ nhân thân, lai lịch) đang lặc tài xỉu thắng thua bằng tiền (Q là người làm cái) nên cùng vào tham gia. Cả nhóm thỏa thuận mỗi ván đặt tiền từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày có thêm các bị cáo Lê Văn C, Đoàn Nhật L, Nguyễn Thanh U đến cùng tham gia. Lúc này, Q không làm cái nữa mà trực tiếp đặt tiền đánh bạc nên bị cáo C làm cái thay Q. Cả nhóm đánh bạc đến 20 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương bắt quả tang, Q và nhóm người (không rõ nhân thân, lai lịch) tẩu thoát. Vật chứng thu giữ gồm: 03 hột xí ngầu, 01 cái đĩa nhỏ bằng sứ, 01 bàn đặt cược bằng bìa giấy, thu trên người các bị cáo 65.550.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc như sau:

Lê Văn C mang theo và sử dụng 7.800.000 đồng đánh bạc, thua 400.000 đồng, khi bị bắt thu giữ trong người số tiền 7.400.000 đồng.

Trần Văn U1 mang theo 10.000.000 đồng, sử dụng 4.000.000 đồng để đánh bạc, thua 400.000 đồng, khi bị bắt thu giữ trong người số tiền 9.600.000 đồng.

Nguyễn Huy L1 mang theo và sử dụng 5.000.000 đồng đánh bạc, thua 800.000 đồng, khi bị bắt thu giữ trong người số tiền 4.200.000 đồng.

Nguyễn Văn H mang theo 20.000.000 đồng, sử dụng 5.000.000 đồng đánh bạc, thắng 2.500.000 đồng, khi bị bắt thu giữ trong người số tiền 22.500.000 đồng.

Nguyễn Văn M mang theo 16.000.000 đồng, sử dụng 6.000.000 đồng đánh bạc, thắng 500.000 đồng, khi bị bắt thu giữ trong người số tiền 16.500.000 đồng.

Phạm Văn H1 mang theo và sử dụng 3.200.000 đồng đánh bạc, thắng 200.000 đồng, khi bị bắt thu giữ trong người số tiền 3.400.000 đồng.

Nguyễn Thanh U mang theo và sử dụng 1.500.000 đồng đánh bạc, thua hết 1.500.000 đồng.

Võ Văn K mang theo và sử dụng 1.400.000 đồng đánh bạc, không thắng, không thua, khi bị bắt thu giữ trong người số tiền 1.400.000 đồng.

Nguyễn Văn K1 mang theo và sử dụng 700.000 đồng đánh bạc, thua hết 700.000 đồng.

Đoàn Nhật L mang theo 800.000 đồng, sử dụng 500.000 đồng đánh bạc, thua 250.000 đồng, khi bị bắt thu giữ trong người số tiền 550.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 35.100.000 đồng. Số tiền các bị cáo đánh bạc thu giữ được thực tế là 34.250.000 đồng.

Số tiền các bị cáo không sử dụng đánh bạc, quá trình điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương đã trả lại 6.000.000 đồng cho bị cáo U, 15.000.000 đồng cho bị cáo H, 10.000.000 đồng cho bị cáo M và 300.000 đồng cho bị cáo L.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 264/2020/HS-ST ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn M, Trần Văn U1, Nguyễn Huy L1, Phạm Văn H1, Nguyễn Thanh U, Đoàn Nhật L, Võ Văn K, Nguyễn Văn K1 phạm tội “Đánh Bạc”.

1.1 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đoàn Nhật L 22.000.000 đồng (hai Mươi hai triệu đồng).

1.2 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K1 23.000.000 đồng (hai Mươi ba triệu đồng).

1.3 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh U 25.000.000 đồng (hai Mươi lăm triệu đồng).

1.4 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H1 25.000.000 đồng (hai Mươi lăm triệu đồng).

1.5 Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự. Nghị quyết số 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Trần Văn U1 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.6 Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự. Nghị quyết số 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.7 Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự. Nghị quyết số 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L1 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.8 Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự. Nghị quyết số 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.9 Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn C 09 (C) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được tính trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2019 đến ngày 13/12/2019.

1.10 Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Văn K 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt 09 (C) tháng tù tại bản án số 185/2020/HSST ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương buộc bị cáo Võ Văn K chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/02/2020, bị cáo được tính trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/11/2020 đến ngày 22/11/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về hình phạt bổ sung đối với các bị cáo U, H, L1, M và C; tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và Q kháng cáo theo quy định.

Ngày 20/7/2020, bị cáo Lê Văn C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ.

Ngày 08/9/2020, bị cáo C có đơn rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Ngày 29/7/2020, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐ-VKS-DA với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các hình phạt đối với các bị cáo trong vụ án là thấp, chưa nghiêm, chưa đúng với tính chất, mức độ tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện, nhân thân của các bị cáo, không có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm, không mang tính răn đe, giáo dục tại địa phương. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tăng hình phạt tù đối với các bị cáo Lê Văn C, Võ

Văn K; sửa hình phạt tù cho hưởng án treo sang hình phạt tù đối với Trần Văn U1, Nguyễn Huy L1, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn M; sửa hình phạt tiền sang hình phạt tù đối với Nguyễn Văn K1, Nguyễn Thanh U, Đoàn Nhật L, Phạm Văn H1.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Bị cáo C có đơn kháng cáo nhưng đã rút đơn kháng cáo. Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương có quyết định kháng nghị phúc thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Các bị cáo sử dụng số tiền đánh bạc lớn, vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo C là người làm cái, có nhân thân xấu, có 01 tiền án. Bị cáo K sử dụng số tiền đánh bạc ít hơn bị cáo C nhưng quá trình điều tra bị cáo K tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo C, K là chưa phù hợp. Các bị cáo L, K1 có nhân thân xấu, các bị cáo U1, H1, L1, H, M và U tuy chưa có tiền án, tiền sự nhưng sử dụng số tiền đánh bạc lớn, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo L, K1, H1, U và áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo U1, H, L1, M là chưa phù hợp, chưa đúng với tính chất, mức độ tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện cũng như nhân thân của các bị cáo, không có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm, không mang tính răn đe, giáo dục tại địa phương. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm, tăng hình phạt tù đối với các bị cáo C, K với mức tăng từ 03 tháng tù đến 06 tháng tù; sửa hình phạt tù cho hưởng án treo sang hình phạt tù đối với các bị cáo U1, L1, H và M; sửa hình phạt tiền sang áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo H1, K1, U và L với mức hình phạt từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù.

Các bị cáo nói lời sau cùng: các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo C thực hiện trong thời hạn luật định. Ngày 08/9/2020, bị cáo C có đơn rút kháng cáo nhưng do có kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương (kháng nghị được thực hiện trong thời hạn luật định) nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của các bị cáo thống nhất với nội dung vụ án đã nêu trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: ngày 16/11/2019 tại căn nhà bỏ hoang (địa chỉ: khu phố Đ,

phường Đ, Thành phố D, tỉnh Bình Dương), các bị cáo C, H, M, U1, L1, H1, U, L, K, K1, người tên Mai Văn Q và một nhóm người (không rõ nhân thân, lai lịch) đã thực hiện hành vi đánh bạc với hình thức lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền, tổng số tiền đánh bạc thu giữ được của các bị cáo là 35.100.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi đánh bạc của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng tại địa phương. Các bị cáo biết rõ hành vi đánh bạc, sát phạt lẫn nhau thắng thua bằng tiền là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả.

[4] Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương:

Việc đề nghị tăng hình phạt tù đối với các bị cáo C, K, chuyển hình phạt tiền sang hình phạt tù đối với các bị cáo K1, L. Các bị cáo C, K, K1, L có nhân thân xấu thể hiện ở việc bị cáo C nhiều lần bị xét xử về tội “Đánh bạc”, trực tiếp làm cái cho những người khác tham gia đánh bạc với bị cáo, bị cáo K trong quá trình điều tra về tội “Đánh bạc”, được tại ngoại lại tiếp tục phạm tội “Đánh bạc” (đã bị Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù). Bị cáo L từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành Ch đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do sử dụng ma túy, bị cáo K1 từng bị xử phạt tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo L và K1, mức hình phạt tù áp dụng đối với các bị cáo C, K là chưa phù hợp. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đối với các bị cáo C, K, K1 và L.

Việc đề nghị chuyển hình phạt tiền sang hình phạt tù đối với các bị cáo H1 và U. Xét thấy, các bị cáo này có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, sử dụng số tiền đánh bạc không lớn, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo H1 và U là phù hợp. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đối với các bị cáo H1 và U.

Việc đề nghị không áp dụng án treo đối với các bị cáo L1, M, U1, H. Xét thấy, các bị cáo này sử dụng số tiền đánh bạc không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, việc không cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, các bị cáo có đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho các bị cáo L1, M, U1, H là phù hợp. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đối với các bị cáo L1, M, U1 và H.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Các bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đối với các bị cáo Lê Văn C, Võ Văn K, Nguyễn Văn K1 và Đoàn Nhật L. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 264/2020/HS-ST ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với các bị cáo Lê Văn C, Võ Văn K, Nguyễn Văn K1 và Đoàn Nhật L.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Lê Văn C 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2019 đến ngày 13/12/2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Võ Văn K 10 (Mười) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt 09 (C) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 185/2020/HS-ST ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo Võ Văn K chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 01 (một) năm 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/02/2020, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/11/2019 đến ngày 22/11/2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K1 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/11/2019 đến ngày 25/11/2019.

Xử phạt bị cáo Đoàn Nhật L 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/11/2019 đến ngày 25/11/2019.

2. Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đối với các bị cáo Phạm Văn H1, Nguyễn Thanh

U, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn M, Trần Văn U1 và Nguyễn Văn H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đối với các bị cáo Phạm Văn H1, Nguyễn Thanh U, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn M, Trần Văn U1, Nguyễn Văn H.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trần Văn U1 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Trần Văn U1, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn M cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy L1 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Huy L1 cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo L1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H1 25.000.000 (hai Mươi lăm triệu) đồng về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh U 25.000.000 (hai Mươi lăm triệu) đồng về tội “Đánh bạc”.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải nộp.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT I);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương (2);
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng (10);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo thường trú (thay văn bản thông báo) (10);
- Lưu VP (2), hồ sơ vụ án, NTN, 32.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Huy Toàn